

Số: 1715/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 27 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Đính kèm Danh mục)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và bãi bỏ Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân quận, huyện.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- UBND TP. Cần Thơ;
- UBND tỉnh Hậu Giang;
- UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Trung tâm CNTT&TT (Sở KHCN);
- VP. UBND TP;
- Lưu: VT, PM. *lw*

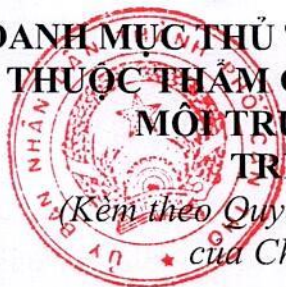


**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Tấn Hiển



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG; ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**



(Kèm theo Quyết định số ~~1715~~ **1715**/QĐ-UBND ngày ~~27~~ **27** tháng 6 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ (19 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	24 ngày. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 21 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 14 ngày.	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Một phần	Theo quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	17 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc trực	Theo quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày

		việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 14 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho tổ chức, cá nhân. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 05 ngày làm việc.	tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Một phần		16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước.
3.	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	08 ngày làm việc. - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, cấp lại giấy phép.	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Toàn trình	Theo quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	08 ngày làm việc. - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i> Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, phê duyệt hoặc trình phê duyệt theo thẩm quyền quyết định chấp thuận trả lại giấy phép.	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Toàn trình	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
5.	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	43 ngày làm việc.	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Một phần	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt	26 ngày - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc thông qua	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày

	đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - <i>Thời hạn thẩm định:</i> Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.	dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Toàn trình		16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
7.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	26 ngày. - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - <i>Thời hạn thẩm định:</i> Trong thời hạn 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ.	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Toàn trình	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
8.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Theo thời gian giải quyết của hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: - 45 ngày (<i>trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>).	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT

		- 38 ngày (<i>trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i>). - 26 ngày (<i>trường hợp giấy phép khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>).	thành phố Mức độ: Toàn trình		ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
9.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	21 ngày	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Toàn trình	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
10.	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	23 ngày - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ</i>: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ</i>: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm

		trách nhiệm thẩm định hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.	Mức độ: Toàn trình		2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
11.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	45 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Một phần	Theo quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
12.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	38 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung	Theo quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày

		35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Một phần		12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
13.	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	45 ngày. - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Một phần	Theo quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
14.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	38 ngày - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ	Theo quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

		nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định báo cáo:</i> Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. - <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo</i> không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Một phần		- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
15.	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)	45 ngày - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</i> Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định đề án:</i> Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án</i> không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Một phần	Theo quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
16.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác	38 ngày	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công	Theo quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023.

	nước mặt, nước biển	- <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ</i>: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định đề án</i>: Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án. - <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án</i> không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.	vụ công hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Một phần		- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
17.	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	23 ngày - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ</i>: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ</i>: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. - <i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</i> không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Toàn trình	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

		bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.			
18.	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	17 ngày - <i>Thời hạn kiểm tra hồ sơ</i>: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - <i>Thời hạn thẩm định hồ sơ</i>: Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Toàn trình	Theo quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
19.	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước	26 ngày làm việc.	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Mức độ: Một phần	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	08 ngày làm việc	Nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công hoặc trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. Mức độ: Một phần	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.